

Số: **4718** /LĐTBXH-TCCB

V/v Hướng dẫn thực hiện sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020

Hà Nội, ngày **17** tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ

Thực hiện Công văn số 3699/BLĐTBXH-BĐG ngày 15/9/2015 của Bộ về việc Hướng dẫn thực hiện sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ đề nghị Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ đơn vị thực hiện:

1. Báo cáo sơ kết, đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020; việc thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội theo Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 567/QĐ-LĐTBXH ngày 10/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); đồng thời nghiên cứu đề xuất, điều chỉnh lại một số chỉ tiêu, giải pháp của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 cho phù hợp với tình hình thực tế (đề cương báo cáo kèm theo).

2. Đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2015 (mẫu gửi kèm).

3. Nghiên cứu góp ý dự thảo Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (kèm theo).

Đề nghị đơn vị gửi báo cáo, đề xuất khen thưởng và góp ý dự thảo Kế hoạch về Tổ giúp việc, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 01/12/2015./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Nguyễn Trọng Đàm (để b/c);
- Lưu VT, TCCB.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**



**Trịnh Minh Chí  
PHÓ TRƯỞNG BAN VÌ SỰ TIẾN BỘ PHỤ NỮ BỘ**

**Đề cương**

**BÁO CÁO SƠ KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC  
QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011 – 2020**

Để thống nhất mẫu báo cáo, thuận lợi cho công tác tổng hợp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị các cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo Sơ kết theo bố cục và nội dung như sau:

**Phần thứ nhất: Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

**I. Bối cảnh thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tại các đơn vị**

1. Tình hình kinh tế - xã hội có tác động đến quá trình thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

2. Đánh giá chung về thực tiễn tình hình triển khai thực hiện giai đoạn I của Kế hoạch.

**II. Công tác thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hành động**

1. Liệt kê các văn bản đã được ban hành của các cơ quan, đơn vị để thực hiện Kế hoạch.

2. Tình hình hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản nêu trên của đơn vị.

**III. Đánh giá kết quả đạt được, những mặt còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Những kết quả đạt được

- Đánh giá khái quát những kết quả nổi bật về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ (có so sánh với thời điểm trước khi Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được ban hành).

- Đánh giá riêng đối với kết quả thực hiện 12 chỉ tiêu cụ thể đến năm 2015 của Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan đến ngành/đơn vị mình (theo từng chỉ tiêu cụ thể và theo từng

năm cụ thể). Đặc biệt là mức độ thực hiện của cơ quan/đơn vị so với nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hành động hàng năm của cơ quan, đơn vị. Liệt kê một số kết quả nổi bật của cơ quan, đơn vị trong thực hiện từng mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Kế hoạch.

- Tập hợp số liệu, đối chiếu và rà soát các mục tiêu và chỉ tiêu đã đề ra theo từng năm trong 5 năm qua (*theo mẫu biểu kèm theo – Phụ lục số 1.1*), về số lượng, tỷ trọng các chỉ tiêu đã đề ra theo Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và xem xét độ bền vững cũng như các vấn đề phản ánh về mặt chất lượng của các mục tiêu và chỉ tiêu đó.

- Việc đánh giá các mục tiêu và chỉ tiêu đạt được đến năm 2015, cần được đối chiếu, so sánh với các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc nhiệm vụ chuyên môn

## 2. Đánh giá những hạn chế, khó khăn trong thực hiện Kế hoạch

- Đánh giá, rà soát, thống kê số liệu về những mục tiêu, chỉ tiêu chưa đạt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đề ra trong Kế hoạch.

- Liệt kê những mục tiêu, chỉ tiêu còn gặp khó khăn trong công tác tổng hợp, thống kê, báo cáo.

## 3. Nguyên nhân

- Phân tích nguyên nhân của những kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, thách thức trong triển khai Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tại cơ quan, đơn vị:

+ Về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, phương thức hoạt động.

+ Về điều kiện kinh tế - xã hội.

+ Về kinh phí.

+ Về những vấn đề khác.

## **Phần thứ hai: Kiểm điểm tình hình thực hiện các giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch**

- Nêu rõ các giải pháp cụ thể đã được triển khai thực hiện; quá trình triển khai, kết quả hay đóng góp của các giải pháp đó trong quá trình thực hiện giai đoạn I của Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 cũng như thực

hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của Bộ, ngành và chương trình, Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Có giải pháp nào mới được triển khai không?

- Có giải pháp nào không được triển khai hoặc triển khai không hiệu quả, tại sao?

- Đánh giá cụ thể về thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan được phân công và có liên quan đến quá trình thực hiện Kế hoạch.

**Phần thứ ba: Đề xuất, kiến nghị triển khai trong giai đoạn II (2016-2020) của Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quốc gia về bình đẳng giới**

**I. Dự báo xu thế trong giai đoạn II của Kế hoạch**

- Dự báo những thuận lợi trong quá trình triển khai giai đoạn II của Kế hoạch.

- Dự báo những khó khăn, thách thức chính cho thực hiện giai đoạn II của Kế hoạch.

**II. Đề nghị điều chỉnh và phương hướng điều chỉnh một số chỉ tiêu trong thực hiện giai đoạn II của Kế hoạch hành động về bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Những mục tiêu, chỉ tiêu đề nghị điều chỉnh trong giai đoạn II của Kế hoạch.

- Lý do đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, chỉ tiêu trên.

- Phương hướng điều chỉnh.

- Những nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện trong giai đoạn II để đạt được mục tiêu và các chỉ tiêu đề ra.

**III. Đề xuất, kiến nghị**

Đơn vị: .....

## Phụ lục I

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011-2020 TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /LĐT BXH-TCCB ngày tháng 11 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn Sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020)*

Mục tiêu, chỉ tiêu	Kế hoạch đến 2015	Kết quả đạt được qua các năm					
		2011	2012	2013	2014	Dự tính 2015	Đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh chỉ tiêu
A	1	2	3	4	5	6	7
<b>Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị</b>							
Chỉ tiêu 1: Phân đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016 – 2020 từ 25% trở lên; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2015 từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016 – 2020 trên 35%.							
Chỉ tiêu 2: Phân đấu đến năm 2015 đạt 80% và đến năm 2020 đạt trên 95% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.							

Chi tiêu 3: Phần đầu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.							
<b>Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.</b>							
Chi tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).							
Chi tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020.							
Chi tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 25% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020.							
Chi tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.							

<b>Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>							
Chi tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 90% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020.							
Chi tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 40% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020. Tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 20% vào năm 2015 và 25% vào năm 2020.							
<b>Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.</b>							
Chi tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015 và 115/100 vào năm 2020.							
Chi tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 58,3/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 52/100.000 vào năm 2020.							
Chi tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 40% vào năm 2015 và lên 50% vào năm 2020 so với năm 2010.							

Chi tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 25/100 vào năm 2020.							
<b>Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin.</b>							
Chi tiêu 1: Đến năm 2015 giảm 60% và đến năm 2020 giảm 80% sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.							
Chi tiêu 2: Đến năm 2015 có 90% và đến năm 2020 có 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.							
<b>Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.</b>							
Chi tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 2 lần vào năm 2015 và xuống 1,5 lần vào năm 2020.							
Chi tiêu 2: Đến năm 2015 đạt 40% và đến năm 2020 đạt 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư							



<p>vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 85% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p>							
<p>Chỉ tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.</p>							
<p><b>Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.</b></p>							
<p>Chỉ tiêu 1: Đến năm 2015 có 80% và đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.</p>							
<p>Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.</p>							

Chi tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.							
Chi tiêu 4: Đến vào năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.							

**HƯỚNG DẪN CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG  
NHÂN DỊP SƠ KẾT CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI  
GIAI ĐOẠN 2011-2020**

Nhằm ghi nhận những đóng góp của các tập thể, cá nhân trong thực hiện Giai đoạn I của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 rà soát, khen thưởng và đề xuất khen thưởng việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 theo các hình thức và nội dung sau đây:

**1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.**

**1.1. Tiêu chuẩn khen thưởng**

- **Đối với tập thể:** gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới tại cơ quan, đơn vị, địa phương và đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Chủ động tham mưu ban hành các văn bản, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới trong phạm vi cơ quan, đơn vị.

+ Triển khai và tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các văn bản về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ (Luật bình đẳng giới; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01/12/2009 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015).

+ Thực hiện lồng ghép giới hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Bộ, ngành hoặc trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. (Đạt ít nhất 90% các chỉ tiêu được đề ra trong Kế hoạch hành động hàng năm thực hiện Chiến lược của Bộ, ngành, địa phương. Trong đó, các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo; tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý, và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới phải đạt kế hoạch đã đề ra trong Chiến lược).

+ Quan tâm đầu tư nguồn lực cho việc triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về bình đẳng giới và phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ của phụ nữ.

+ Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo và các nhiệm vụ trong công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ theo yêu cầu.

+ Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trong năm 2015 chưa được tặng bằng khen cấp Bộ về công tác bình đẳng giới. Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt phong trào thi đua, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể, thực hành tiết kiệm, thực hiện đầy đủ mọi chế độ, chính sách đối với mọi thành viên của tập thể.

- **Đối với cá nhân:** gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong việc tổ chức, phối hợp triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Đã tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ từ 3 năm trở lại đây;

+ Có nhiều sáng kiến và tham mưu hiệu quả cho Lãnh đạo trong thực hiện Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới của Bộ, ngành, địa phương.

+ Có thành tích nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

+ Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trong năm 2015 chưa được bằng khen cấp Bộ về công tác bình đẳng giới.

### ***1.2. Số lượng, tuyến trình và hồ sơ đề nghị khen thưởng***

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ (đối với các Bộ, ngành Trung ương) và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phối hợp với các đơn vị có liên quan lựa chọn, đề xuất 01 tập thể và 01 cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới đề nghị Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội khen thưởng.

Tuyến trình và hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo Quy định tại Điều 26 và Khoản 4 Điều 27 Thông tư số 30/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động – Thương binh và Xã hội.

### ***1.3. Thời gian đề nghị khen thưởng***

Để kịp thời xét chọn và khen thưởng trong dịp sơ kết 5 năm tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020, hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (qua Vụ Bình đẳng giới) trước ngày 01/12/2015 (theo dấu bưu điện hoặc ngày văn bản đến) để Bộ xem xét, quyết định.

### ***2. Các hình thức khen thưởng khác***

Đối với các hình thức khen thưởng khác (như bằng khen cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương và Giấy khen theo quy định tại Khoản 39, 41, 42, Điều 1, Luật số 39/2013/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013) thực hiện theo quy định hiện hành.

### ***3. Kinh phí khen thưởng***

Tiền thưởng và mức tiền thưởng thực hiện theo quy định hiện hành. Kinh phí khen thưởng do các cấp đề nghị khen thưởng lập dự toán và chi trong Quỹ thi đua khen thưởng của Bộ, ngành, địa phương hoặc trong kinh phí tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 của cơ quan, đơn vị.

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG  
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIẢI ĐOẠN 2016-2020  
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-LĐTĐ ngày / /2015  
Của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

## **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền nhằm thực hiện các quyền lợi hợp pháp của lao động nữ, bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **II. MỤC TIÊU CỤ THỂ**

### **1. Nhóm các chỉ tiêu quốc gia:**

**Chỉ tiêu 1:** Hàng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới.

**Chỉ tiêu 2:** Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đối với lao động nữ xuống dưới 5%.

**Chỉ tiêu 3:** Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt không dưới 40% vào năm 2020.

**Chỉ tiêu 4:** Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng đạt không dưới 80%.

### **2. Nhóm các chỉ tiêu đối với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

**Chỉ tiêu 5:** Nâng tỷ lệ nữ được đào tạo sau đại học lên 40% trong tổng số được đào tạo sau đại học.

**Chỉ tiêu 6:** Phần đầu đạt tỷ lệ nữ công chức, việc chức được đào tạo nâng cao về nghiệp vụ, chính trị, hành chính, tin học và ngoại ngữ không dưới 40% trong tổng số tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

**Chỉ tiêu 7:** Phần đầu tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng đạt 40% trong tổng số tham gia cấp ủy.

**Chỉ tiêu 8:** Phần đầu đạt tỷ lệ 100% cơ quan, đơn vị có cán bộ nữ tham gia lãnh đạo đơn vị.

**Chỉ tiêu 9:** 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành phụ trách được tập huấn kiến thức về giới, phân tích và lồng ghép giới.

**Chỉ tiêu 10:** 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp thuộc ngành được tập huấn nghiệp vụ, huấn luyện về kỹ năng hoạt động.

**Chỉ tiêu 11:** 100% lãnh đạo đơn vị và đoàn thể được nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

**Chỉ tiêu 12:** 100% nữ cán bộ, công chức được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

### **III. CÁC GIẢI PHÁP**

#### **1. Đối với nhóm các chỉ tiêu quốc gia:**

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý tạo cơ sở cho việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động - xã hội.

- Hoàn thiện các quy định của pháp luật lao động về lao động nữ: Xóa bỏ các quy định bất hợp lý và gây cản trở lao động nữ tiếp cận các cơ hội việc làm, có các biện pháp đảm bảo công bằng trong tuyển dụng và tăng cường chế tài đối với doanh nghiệp vi phạm, hướng dẫn cụ thể và triển khai thực hiện tốt các chính sách khuyến khích đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ.

- Giảm chi phí tiếp cận việc làm và thời gian tìm việc của người lao động thông qua việc xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động, tư vấn về việc làm. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động và có tách biệt theo giới tính. Có các biện pháp cụ thể để khuyến khích đầu tư vào việc cung cấp thông tin thị trường lao động, đảm bảo cập nhật thường xuyên.

- Xây dựng chiến lược ưu tiên về đào tạo nghề riêng cho lao động trong từng lĩnh vực cụ thể. Xây dựng chế độ thông tin, báo cáo thống kê về đào tạo nghề cho lao động nữ thống nhất từ trung ương đến địa phương, cơ sở dạy nghề. Phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề và các trường Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề thuộc Hội Liên Hiệp phụ nữ Việt Nam góp phần mở rộng quy mô đào tạo nghề ở các trình độ cho nữ.

- Các chính sách, chương trình đào tạo nghề cần tập trung vào khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số; thu hút nhiều lao động nữ; nâng cao kỹ năng nghề, cách quản lý, kinh doanh, phát triển tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng cũng như phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư ở nông thôn, trong đó có lao động nữ thuộc hộ nghèo. Các chính sách hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn, vay vốn ưu đãi, giảm nghèo, đặc biệt là cơ sở thu hút nhiều lao động nữ, nhất là đối với nhóm lao động nữ yếu thế bao gồm nữ bán dâm hoàn lương và phụ nữ là nạn nhân bị buôn bán trở về.

- Tăng cường lồng ghép trong nội dung bình đẳng giới trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia về



Việc làm giai đoạn 2016-2020, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020. Ưu tiên cho vay vốn giải quyết việc làm đối với các dự án tạo việc làm cho lao động nữ trong khuôn khổ nguồn vốn vay giải quyết việc làm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về Việc làm; Phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam triển khai thực hiện các dự án thuộc Đề án “Hỗ trợ học nghề và tạo việc làm cho phụ nữ giai đoạn 2016-2020”.

- Tăng cường hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tích cực tham gia vào các Hội nghị, Diễn đàn quốc tế và khu vực (ASEAN, APEC, ASEM) và các chương trình, dự án của Tổ chức quốc tế.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách bình đẳng giới trong lĩnh vực Lập động - Xã hội.

## **2. Đối với nhóm các chỉ tiêu đối với công chức, viên chức trong ngành:**

- Quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp về công tác cán bộ, đào tạo, quy hoạch cán bộ nữ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để các cấp ủy và lãnh đạo đơn vị, các đoàn thể và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ, Ngành có nhận thức đúng đắn về vai trò của đội ngũ nữ cán bộ, cán bộ, công chức, viên chức; từ đó, xác định rõ trách nhiệm, quan tâm, tạo điều kiện để nữ cán bộ, công chức, viên chức có tiếng nói và cơ hội tham gia vào mọi hoạt động của Bộ, Ngành.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng đối với cán bộ nữ. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2016-2020 sát với thực tiễn và yêu cầu công việc, trong đó phải cụ thể hóa các tỉ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức tương xứng. Từng năm, từng đợt có thể mở các lớp riêng đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức nữ.

- Tận dụng tối đa mọi nguồn kinh phí, nguồn tài trợ và có chính sách, chế độ thích hợp, tạo điều kiện để khuyến khích cán bộ tự học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ, nhất là cán bộ trẻ, các bộ nữ, cán bộ giữ các vị trí chủ chốt.

- Thực hiện tốt khâu tuyển chọn, đánh giá cán bộ nữ, làm tiền đề xây dựng quy hoạch cán bộ nữ. Trong rà soát, phân loại cần có sự phân tách về giới để có những đánh giá, chỉ báo riêng, qua đó đề ra các biện pháp thích hợp để đạt được các chỉ tiêu về giới theo hướng tăng tỉ lệ công chức, viên chức nữ ở tất cả các lĩnh vực, vị trí công tác, đặc biệt là các vị trí cán bộ chủ chốt.

- Nghiên cứu xây dựng một số chính sách riêng cho cán bộ, công chức, viên chức nữ thuộc Bộ, Ngành. Thông qua việc nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách chung cho phụ nữ, trong đó nữ cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, Ngành cũng trực tiếp tham gia sẽ là cơ hội tốt để họ khẳng định vị trí, vai trò của mình, đồng thời góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp đối với công tác cán bộ nữ.

- Tăng cường hợp tác quốc tế và lồng ghép giới trong Chương trình hành động của các Bộ trưởng ASEAN giai đoạn 2016-2020.



- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, vai trò của các tổ chức đoàn thể, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và vai trò của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp. Những vấn đề liên quan đến cán bộ nữ phải có ý kiến đóng góp trước hết của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ. Các cấp ủy phải coi công tác xây dựng và quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ là nhiệm vụ chính trị của mình. Người đứng đầu phải chủ động quan tâm và tạo mọi điều kiện để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nữ phát huy được vai trò, vị thế của mình; phải coi những tiến bộ của phụ nữ như là một tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ**

1.1. Hướng dẫn các đơn vị, các ban vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị thuộc Bộ, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

1.2. Triển khai các văn bản tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2016-2020 (Bảng phân công nhiệm vụ - Phụ lục kèm theo).

1.3. Phối hợp với cá đơn vị chuyên môn tổ chức các khóa tập huấn kiến thức về giới, phân tích và lồng ghép giới; tập huấn nghiệp vụ, huấn luyện về kỹ năng hoạt động và nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

1.4. Tham gia và phối hợp với các đơn vị chức năng trong nghiên cứu, phát hiện và đề xuất giải quyết vấn đề giới trong xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung công tác của ngành; xây dựng cơ chế phối hợp, thẩm định yếu tố bình đẳng giới trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

1.5. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam trong thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới.

1.6. Hướng dẫn các đơn vị, các Ban vì sự tiến bộ phụ nữ các đơn vị thuộc Bộ, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và tiến độ thực hiện các chỉ tiêu quốc gia và chỉ tiêu đặt ra đối với công chức, viên chức ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong đơn vị.

1.7. Tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm và báo cáo Lãnh đạo Bộ, Văn phòng Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **2. Thủ trưởng các đơn vị**

2.1. Xây dựng kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới nhằm thực hiện các chỉ tiêu đặt ra trong nhóm chỉ tiêu quốc gia và nhóm chỉ tiêu đối với công chức, viên chức ngành Lao động- Thương binh và Xã hội.

2.2. Chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các hoạt động nhằm thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới đã xây dựng.

2.3. Phối hợp với các đơn vị chức năng và Ban vì sự tiến bộ phụ nữ trong việc nghiên cứu, giải quyết vấn đề giới trong xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung công tác của ngành thuộc đơn vị phụ trách.

2.4. Phân bổ kinh phí hàng năm theo dự toán của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

2.5. Tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ, tiến độ thực hiện và dự kiến hoàn thành các chỉ tiêu trong nhóm các chỉ tiêu quốc gia và nhóm các chỉ tiêu đối với công chức, viên chức ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong đơn vị và gửi báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) về Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của Bộ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trọng Đàm**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  
**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI**  
**NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTĐ ngày / /2015 Phê duyệt kế*  
*hoạch hành động về Bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020*  
*Của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian	Kinh phí	Sản phẩm
<b>I NHÓM CHỈ TIÊU QUỐC GIA</b>						
1	<b>Chỉ tiêu 1:</b> Hàng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới.	Cục Việc làm	Viện Khoa học LĐXH; Các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	Thống kê số liệu, BC đánh giá hàng năm và tổng kết 5 năm
	<b>Chỉ tiêu 2:</b> Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đối với lao động nữ xuống dưới 5%.	Cục Việc làm	Viện Khoa học LĐXH; Các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	Thống kê số liệu, BC đánh giá hàng năm và tổng kết 5 năm
	<b>Chỉ tiêu 3:</b> Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt không dưới 40% vào năm 2015.	Tổng cục Dạy nghề	Cục Việc làm; Các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	Thống kê số liệu, BC đánh giá hàng năm và tổng kết 5 năm
	<b>Chỉ tiêu 4:</b> Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng đạt không dưới 80%.	Cục Bảo trợ xã hội	Cục Việc làm; Các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	Thống kê số liệu, BC đánh giá hàng năm và tổng kết 5 năm

II	NHÓM CHỈ TIÊU ĐỐI VỚI NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
1	Thẩm định các yếu tố bình đẳng giới trong các văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế, Vụ BDG	Ban VSTBPN Bộ và Các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước	BC định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBQG
2	Tuyên truyền, phổ biến các bản bản quy phạm pháp luật về công tác Bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ đối với các đơn vị thuộc Bộ, Ngành	Ban VSTBPN Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Bình đẳng giới	Các đơn vị thuộc Bộ, Ngành	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	BC định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBQG
3	Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, huấn luyện về kỹ năng hoạt động cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ ở các đơn vị thuộc Bộ, Ngành	Ban VSTBPN Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Bình đẳng giới	Các đơn vị thuộc Bộ, Ngành	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	BC định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBQG
4	Lồng ghép yếu tố giới và hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ trong quá trình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm đạt các mục tiêu của Kế hoạch hành động:		Ban VSTBPN Bộ và các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	BC định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBQG
	Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm;	Cục Việc làm				
	Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo	Cục Bảo trợ xã hội				
	Các Đề án về Dạy nghề	Tổng cục Dạy nghề				

	Chương trình quốc gia về an toàn vệ sinh lao động	Cục An toàn lao động				
	Chương trình hành động quốc gia về Phòng, chống mại dâm và các dự án, đề án có liên quan	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội				
5	Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở LĐTBXH thực hiện xây dựng, triển khai Kế hoạch công tác hành năm và tổ chức đánh giá, báo với sự phân tách chỉ tiêu về giới	Vụ Kế hoạch - Tài chính		2016-2020	Ngân sách nhà nước	BC định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBQG
6	Nghiên cứu xây dựng bộ số liệu về giới trong các lĩnh vực thuộc Bộ, Ngành	Viện Khoa học LĐXH	Ban VSTBPN, Vụ Bình đẳng giới và Các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	Bộ số liệu về giới trong lĩnh vực ngành
7	Tăng cường hợp tác quốc tế và hội nhập về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ, Ngành	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Bình đẳng giới, Ban VSTBPN và các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án	BC định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBQG
8	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách bình đẳng giới và xử lý các hành vi vi phạm quyền của lao động nữ cũng như vi phạm quy định về ATVSLĐ đối với lao động nữ	Thanh tra Bộ	Vụ Bình đẳng giới và các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước	BC định kỳ 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBQG
9	Nghiên cứu, xây dựng và trình Bộ phê duyệt Quy hoạch cán bộ và Kế hoạch đào tạo, bồi	Vụ Tổ chức cán bộ	Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ và các đơn vị	2016-2020	Ngân sách nhà nước và các chương	- Chiến lược quy hoạch cán bộ của Bộ, Ngành giai đoạn

	dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, Ngành giai đoạn 2016-2020 trong đó có chỉ tiêu phân tách giới theo hệ thống chỉ tiêu trong Kế hoạch hành động VSTBPN và bình đẳng giới ngành		liên quan		trình, dự án	2016-2020 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ giai đoạn 2016-2020
10	Xây dựng, đề xuất biện pháp thực hiện chỉ tiêu tỉ lệ nữ tham gia cấp ủy, Ban CH Công đoàn, Đoàn TNCSHCM	Văn phòng Đảng - Đoàn thể, Đoàn thanh niên	Các đơn vị liên quan	2016-2020	Ngân sách nhà nước	BC định lý 06 tháng, 01 năm về Ban VSTBPN để báo cáo UBND
11	Nghiên cứu khoa học phục vụ công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ của Bộ, Ngành	Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị	2016-2020	Ngân sách nhà nước	Đề án, chuyên đề nghiên cứu
12	Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch hành động VSTBPN và Bình đẳng giới tại các đơn vị thuộc Bộ, Ngành	Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ Bộ	Vụ Bình đẳng giới và các đơn vị	2016-2020	Ngân sách nhà nước	BC định lý 06 tháng, 01 năm